

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/7/2023

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
về ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bé Mười**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** và bà **Ngô Thị Mỹ Lợi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Kim Kiều** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số E, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Trần Hoàng C**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số B, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Bùi Thị Ngọc H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C chung sống với nhau từ năm 2009, hai bên có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2009 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó hai bên thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, theo chị H thì anh C không có trách nhiệm với gia đình. Về kinh tế gia đình do chị H tự lo liệu, anh C không phụ tiếp cùng chị H.

Ngoài ra, anh C còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi. Mỗi lần cự cãi thì anh C có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm chị H.

Năm 2022, chị H nộp đơn xin ly hôn anh C nhưng anh C hứa sửa đổi nên chị H đã rút đơn kiện Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, từ khi rút đơn đến nay vợ chồng cũng không trở lại sống chung, anh C không sửa đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay.

Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh C.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Trần Anh D, sinh ngày 04/02/2010 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2012 (hiện hai con đang sống chung với chị H). Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi hai con không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Hoàng C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân : Anh C thống nhất theo trình bày chị H. Anh C, chị H chung sống từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2009 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu khoảng 05 năm. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do nghi ngờ ghen tuông, nhưng cũng chưa xảy ra mâu thuẫn trầm trọng.

Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2022 vợ chồng thường xuyên cự cãi, do chị H không làm tròn trách nhiệm của người vợ, không chăm lo cơm nước chu toàn cho gia đình.

Bản thân anh C bị tai nạn mất xương đùi việc đi lại, đứng lên ngồi xuống rất khó khăn, nhưng chị H cũng không phụ tiếp công việc cùng anh C, không quan tâm gì đến anh C.

Do công việc buôn bán hoa kiểng phải thường xuyên tiếp xúc với người này người kia (có nam có nữ), chị H không thông cảm mà cho rằng anh C có tình cảm với họ, nên nghi ngờ ghen tuông, đòi ly hôn. Anh C tiếp xúc nói chuyện với phụ nữ để bàn bạc làm ăn thì chị H không đồng ý nhưng bản thân chị H lại tiếp xúc tụ tập nói chuyện người này người kia được.

Ngoài ra, thời gian gần đây anh C phát hiện chị H còn tham gia cờ bạc ghi số đề, anh C không đồng ý, anh C khuyên chị H cũng không nghe nên vợ chồng cự cãi. Mỗi lần vợ chồng cự cãi thì chị H lại bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ngăn chặn số điện thoại không cho liên lạc. Anh C đã nhiều lần gặp chị H để nói chuyện, hòa giải kêu về phụ tiếp công việc gia đình, lo cơm nước tiếp anh C vì anh C đi lại khó khăn nhưng chị H không nghe và cố tình trốn tránh không gặp mặt anh C.

Trước đây chị H cũng đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng vợ chồng hòa giải, hàn gắn tình cảm chị H rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi rút đơn đến chị H cũng không chịu về nhà sống chung mà ở nhà cha ruột chị H tụ tập bạn bè, không lo lắng gì cho gia đình.

Nay về tình cảm anh C còn thương chị H, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn cùng lo cho các con, nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Trần Anh D, sinh ngày 04/02/2010 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2012 (hiện hai con đang sống chung với chị H). Trường hợp ly hôn thì anh C đồng ý để chị H nuôi hai con, anh C không cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh C không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của các con: Tại văn bản trình bày của các cháu: Trần Anh D và Trần Anh K, nếu cha mẹ ly hôn thì hai cháu ở chung với chị H.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị - Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc H. Chị H ly hôn anh Trần Hoàng C.

- Về con chung: Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Trần Anh D, sinh ngày 04/02/2010 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2012 đến khi trưởng thành, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Đương sự nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con chung’. Bị đơn anh Trần Hoàng C cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh chính Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa , Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh chính theo quy định.

[2] Về nội dung.

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Trần Hoàng C chung sống vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2009 tại UBND xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, anh C không có trách nhiệm với gia đình. Kinh tế gia đình do chị H tự lo liệu, không phụ tiếp cùng chị H. Ngoài ra, anh C còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi. Mỗi lần cự cãi thì anh C có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm chị H.

Năm 2022, chị H nộp đơn xin ly hôn anh C nhưng anh C hứa sửa đổi nên chị H đã rút đơn kiện Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, từ khi rút đơn đến nay vợ chồng cũng không trở lại sống chung, anh C không sửa đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh C.

Quá trình làm việc anh C cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay. Nguyên nhân là chị H không làm tròn trách nhiệm của người vợ, không chăm lo cơm nước chu toàn cho gia đình, không phụ tiếp công việc cùng anh C, không quan tâm gì đến anh C. Ngoài ra, chị H còn nghi ngờ ghen tuông. Trước đây chị H cũng nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng vợ chồng hòa giải, chị H rút đơn, nhưng từ khi rút đơn đến nay chị H cũng không chịu về sống chung cùng anh C mà ở nhà cha mẹ ruột chị H tụ tập bạn bè, không lo lắng gì cho gia

đình. Mặc dù, quá trình sống chung vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng về tình cảm, anh C còn thương chị H, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn cùng lo cho các con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trước đây chị H đã nộp đơn ly hôn anh C nhưng anh C hứa sửa đổi, vợ chồng hòa giải đoàn tụ, nhưng vợ chồng cũng không trở lại sống chung mà chị H ở nhà cha mẹ ruột chị H, chị H và anh C đã sống ly thân từ tháng 03/2022 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh C là có thật. Việc anh chị sống ly thân nhau chứng tỏ mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không thể khắc phục. Tòa án cũng động viên hòa giải nhiều lần nhưng chị H cũng không đồng ý trở về chung sống với anh C. Vì vậy, trường hợp kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì chị H và anh C sẽ không đạt được mục đích hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung:

Chị H và anh C thống nhất có 02 con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 04/02/2010 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2012 (hiện hai con đang sống chung với chị H). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, ly hôn thì anh C đồng ý để chị H nuôi hai con, anh C không cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C cũng thống nhất nếu ly hôn anh C đồng ý để hai con cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cũng như với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ.

Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Ngọc H về việc yêu cầu ly hôn. Cho chị Bùi Thị Ngọc H và anh Trần Hoàng C ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Ngọc H về việc yêu cầu nuôi con chung.

- Giao hai con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 04/02/2010 và Trần Anh K, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Bùi Thị Ngọc H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn (hiện hai con đang sống chung với chị H).

- Chị Bùi Thị Ngọc H không yêu cầu anh Trần Hoàng C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

- Anh Trần Hoàng C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Bùi Thị Ngọc H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp ngày 31/3/2023 theo biên lai thu số 0015095 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Bé Mười